
Quận Cồ

Theo nhiều cụ già làng Linh Chiểu kể lại thì Quận Cồ chính tên là Phùng Văn Minh và gốc người Nam Định. Vì nhà nghèo nên sau mấy năm mất mùa liên tiếp, đến đời ông nội Cồ thì cả nhà phải di cư lên Sơn Tây làm nghề buôn bè kiếm sống. Trong một chuyến đi buôn xuôi sông Hồng, ông cụ đã ghé vào bến Cừ Đĩnh (xã Cẩm Đĩnh, Phúc Thọ) để bán nứa. Sau đó, ông tiếp tục cho bè xuôi xuống bến Xuân Vân (xã Xuân Phú, Phúc Thọ), rồi lấy vợ ở đây và sinh ra được bốn người con trai. Một trong bốn người con trai đó lên thôn Linh Chiểu (xã Sen Chiểu, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây, nay thuộc Hà Nội) lấy vợ và sinh ra Cồ vào khoảng hai năm 1849 - 1950^[1].

Vì nhà nghèo, đông anh em lại là dân ngụ cư nên không được chia ruộng công, Cồ phải làm con nuôi cho tổng Chính. Năm Cồ lên 6 tuổi thì bố qua đời vì một trận dịch lớn, để lại một mẹ già và một đàn em nhỏ. Cồ lại phải gắn thân hơn vào gia đình tổng Chính để nuôi mẹ và đàn em nhỏ. Hàng ngày Cồ dậy sớm phục dịch điều đóm cho tổng Chính, rồi đi chăn trâu, cắt cỏ, quét tước và làm tất cả mọi việc trong nhà. Tuy là con nuôi, nhưng thân phận của Cồ không khác gì một đứa ở. Mười năm trời, Cồ không được trả một đồng công nào; đã thế hàng ngày còn luôn bị đánh đập, chửi mắng, giam đói...

Năm Cồ lên 10 tuổi, mẹ lại qua đời, cuộc sống của gia đình càng trở nên cùng quẫn, các em Cồ mỗi đứa phải bặt một nơi, Cồ càng phải nai lưng làm việc cho gia đình tổng Chính để trả cái nợ tang mẹ.

Theo lời kể lại, Cồ có tướng mạo khác thường: người to khỏe, nước da đen, mặt rỗ, tóc xồm, tính nghịch ngợm và giỏi vật. Mỗi lần đi chăn trâu ngoài bãi, Cồ thường tụ tập trẻ con trong làng tổ chức chơi trận giả. Lần nào phe Cồ cũng thắng nên bọn trẻ chăn trâu rất sợ và phục tãi chỉ huy của Cồ. Cái tên Cồ là do bọn trẻ đặt ra, lâu ngày thành quen, mọi người đều gọi theo tên đó^[2].

Năm 16 tuổi, không chịu nổi cuộc sống cơ cực trong nhà địa chủ, Cồ đã thoát ra sống tự lập. Năm 17 tuổi, Cồ lấy một người đi ở cùng làng và sau đó sinh được hai con trai.

Cồ không được chia ruộng tại làng vì là dân ngụ cư, nên phải đi làm nghề đậu phụ. Hàng ngày, ông gánh đậu phụ đi bán rong các làng, đôi khi còn gánh vào thành Sơn Tây để bán. Những ngày không làm được đậu, ông vào đồi Đùm (thuộc xã Xuân Sơn, huyện Ba Vì ngày nay) lấy củi đem về bán ở chợ Nghệ (thị xã Sơn Tây).

Cũng thời gian này, thực dân Pháp đang tiến hành xâm chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất. Sau khi Hà Nội và một số thành lân cận thất thủ, Pháp mở rộng chiếm đóng ra các vùng xung quanh. Nhưng đi đến đâu chúng đều gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của nhân dân miền Bắc. Hoàng Tá Viêm cùng Lưu Vĩnh Phúc đã giết chết tên Gác-ni-ê (Francis Garnier) ở cầu Giấy năm 1873. Chiến thắng đó làm nức lòng nhân dân cả nước và nhân dân Sơn Tây, cùng quê hương Cồ. Nhân dân Sơn Tây cùng với nhiều nhà nho, quan lại yêu nước, đã đứng lên bên cạnh Hoàng Tá Viêm để chống Pháp.

Sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo với cuộc đời đi ở cơ cực và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lăng, Cồ có con mắt nhìn nhận thời cuộc khác với lớp thanh niên cùng thời. Những ngày đi bán đậu phụ từ thôn này qua thôn khác, những buổi đi đốn vật ở các nơi trong vùng, Cồ đã tiếp xúc với nhiều hạng người. Cũng từ đó, tầm mắt và sự hiểu biết của Cồ về đất nước, con người được mở rộng, lòng yêu nước yêu quê hương thúc đẩy ông suy nghĩ về những hành động của mình trước cảnh nước mất nhà tan. Cồ hàng ngày gánh đậu phụ đi bán rong ở các làng, ngoài mục đích kiếm kế sinh nhai, còn có mục đích thăm dò tư tưởng, tình hình quần chúng để rồi tổ chức nhau lại, đứng lên chống Pháp. Cồ đánh bạn với nhiều người có tư tưởng yêu nước như Lãnh Cang (người làng Nhân Lý huyện Ba Vì), Lãnh Khoái (người làng Đông Lâu huyện Ba Vì)... Đồi Đùm là một khu rừng rậm rạp, có nhiều ngọn đồi tiếp nhau, cách thành Sơn Tây không đầy 10km, đường đi lại khó khăn, được Cồ chọn làm nơi tụ nghĩa.

Công việc của Cồ đang âm thầm tiến hành thì triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký hàng ước Giáp Tuất (1874) với thực dân Pháp.

*

* *

Hàng ước 1874 chỉ là một cái kế hòa hoãn của thực dân Pháp nhằm chuẩn bị thêm lực lượng để tiến hành xâm lược nước ta trên một quy mô rộng lớn hơn. Quả vậy, tháng 4-1882, được lệnh của thực dân Pháp, tên trung tá Ri-vi-e (Henri Rivière) đem quân ra đánh Bắc Kỳ lần thứ hai. Thành Hà Nội thất thủ ngày 20-4-1882 nhưng phong trào kháng Pháp của nhân dân miền Bắc vẫn nổ ra khắp nơi. Cầu Giấy lại ghi thêm chiến công mới: quân và dân ta, dưới sự chỉ huy của Thống đốc quân vụ Hoàng Tá Viêm cùng với quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc đã giết chết tên Ri-vi-e vào ngày 19-5-1883. Nhưng vì triều Nguyễn đã đầu hàng nhục nhã, giặc Pháp có thể mạnh, đã cử tên sĩ quan hải quân Cuốc-bê (Courbet) kéo quân lên đánh chiếm thành Sơn Tây ngày 16-12-1883.

Tuy nhiên, nhân dân Sơn Tây trong phong trào chung vẫn đứng lên chống Pháp xâm lược. Trên đất này ngày đêm vẫn không ngớt rền vang tiếng súng chống xâm lược của Đốc Ngừ (người làng Xuân Vân), Quản Cự (người làng Nhân Lý), Quản Nghéch (người làng Đại Đồng), Chánh Võ (người làng Sơn Đông) ...

Lúc đó Cò đã cùng với các ông Lãnh Cang, Lãnh Khoái, Tiền Dinh (người Cam Thịnh), Bang Hanh (người Cẩm Bái); Đốc Chấn, Đốc Hán (người Tây Đằng), Lãnh Trê (người Đông Lâu), Lãnh Đại (người Thái Hòa), Đốc Khoát (người Tòng Lệnh)... vận động và tổ chức nhân dân các huyện nổi lên chống Pháp. Ông còn cho xây dựng đồi Đùm là căn cứ đầu tiên. Được tin Cò phát cờ khởi nghĩa chống Pháp, trai tráng trong vùng hoặc những người có lòng yêu nước ở các huyện đã bí mật tham gia nghĩa quân. Phần lớn nghĩa quân của Cò là những người nông dân nghèo của các huyện Phúc Thọ, Thạch Thất, Tùng Thiện, Bất Bạt, Quảng Oai. Ngoài ra cũng có một số nhà nho, quan lại, thầy thuốc tham gia như Lãnh Cang, Lãnh Khoái, Đốc Chấn, Đốc Khoát, Lãnh Tiền (người Kim Bái), Lang Lân (Vũ Đình Lân – người Thụy An).

Khi đã tập hợp được nghĩa quân, vấn đề quan trọng đặt ra đối với cuộc khởi nghĩa là vũ khí và lương thực.

Trước tiên, Cò chủ trương cướp súng giặc để giết giặc. Ông cho đóng những chiếc thang dài 24 mét, lừa lúc ban đêm quân Pháp ngủ say, bắc qua bốn góc thành Sơn Tây, giết lính gác, rồi vào kho lấy được 20 khẩu súng. Khi quân Pháp biết, ông làm kế nghi binh cho bắn ở góc thành phía Đông rồi rút toàn bộ quân thoát ra ở góc thành phía Tây.

Sau vụ này, bọn Pháp hết sức lo sợ. Chúng ra lệnh cho các quan tỉnh và chánh tổng, lý trưởng các làng phải lùng bắt cho được Cò. Một đêm, bọn chánh tổng, lý trưởng cho lính đóng vây nhà ông và bắt được ông. Bị giam giữ trong nhà lao Sơn Tây, hàng ngày vợ con phải mang cơm lên tiếp tế, ông dặn vợ:

- Nhà hãy lấy cái cửa nhỏ giấu ở mái nhà, nhét vào giữa nắm com, rồi mang lên cho tôi.

Nhận được cửa, ban đêm ông cửa chiếc gong sắt, dỡ mái nhà thoát ra ngoài, giết tên lính gác, cướp súng bắn loạn xạ trong thành rồi trốn thoát. Sau đó, ông trốn xuống Đồng Trúc, huyện Thạch Thất, cải trang thành một ông đồ nho ngồi dạy học. Ở đây, ông được nhân dân địa phương nuôi nấng và bảo vệ. Mặc dầu bị truy lùng, ông vẫn liên lạc chặt chẽ với các tướng lĩnh và nghĩa quân đang hoạt động ở đồi Đùm. Một thời gian sau, ông bí mật trở về nhà, thu xếp đồ đạc, đốt cháy nhà cửa, rồi đem vợ con đi nơi khác. Sau đó, có lần ông tổ chức nghĩa quân thành những toán nhỏ, chằng dầy ngang đoạn đường gần ngã ba Văn Miếu, cạnh thị xã Sơn Tây, chờ khi quân Pháp đi tuần tra về, nghĩa quân ụp mà tẩu bắt ngờ xông ra giết giặc, cướp súng. Cũng có khi ông cho nghĩa quân giả làm thường dân trà trộn vào thành, đợi khi có một tên lính Pháp đi ven hồ thì đẩy xuống hồ rồi cướp súng chạy.

Để có lương thực nuôi quân, Cò còn tổ chức những đội nghĩa quân đi vào các nhà giàu lấy lương thực. Ông nói rõ mục đích chống Pháp, rồi hỏi mượn lương thực, lúa, gạo. Nhà nào cho mượn hoặc ủng hộ, ông cho người ghi tên lại hẹn sau khi đuổi được giặc sẽ trả; nếu nhà nào keo kiệt không cho mượn, ông bèn tổ chức cướp phá. Ông cũng thường tổ chức bắt cóc con cái nhà hào lý giàu có, rồi bắt gia đình đem tiền của đến chuộc. Bọn lý trưởng, chánh tổng trong vùng vì vậy rất sợ ông và gọi ông là giặc Cò.

Ông trừng phạt rất nặng đối với nghĩa quân nào dụng chạm đến của cải của nhà nghèo. Chính vì vậy đi đến đâu ông cũng được những người nghèo ủng hộ và nô nức hưởng ứng. Ở Sơn Chiếu và các vùng chung quanh, nhân dân không phải đóng thuế cho Pháp trong những năm Cò đẩy binh khởi nghĩa (1883-1889). Bọn lý trưởng, chánh tổng không thu nổi thuế của nhân dân khi nghĩa quân đang hoạt động mạnh.

Như vậy, buổi đầu của cuộc khởi nghĩa, vấn đề vũ khí và lương thực tạm thời được giải quyết. Nhưng không thể dựa lâu dài vào nguồn cung cấp vũ khí và lương thực nói trên. Cồ và các tướng lĩnh thấy cần phải tổ chức lực lượng sản xuất. Muốn vậy, trước tiên cần phải dời căn cứ từ đồi Đùm vào một nơi có điều kiện thuận lợi hơn. Ông đã cho dời căn cứ vào vùng rừng núi hiểm trở và rộng lớn của miền Bằng Y, Bằng Tạ, Cẩm Lĩnh, Cẩm Đái, Vu Quy, Ngọc Nhị, Vân Sơn, Yên Bài, Tân Lĩnh, Vật Yên (thuộc huyện Ba Vì). Đóng căn cứ ở vùng này, nghĩa quân có thể khai phá sản xuất và vận động nhanh chóng khi tập kích thành Sơn Tây, hoặc tổ chức những trận phục kích trên đường 11a. Nếu bị tấn công, nghĩa quân cũng có thể nhanh chóng theo những con đường rừng rút về Ba Trại, dựa vào chân núi Ba Vì hiểm trở để cố thủ.

Ở Cẩm Lĩnh, Thụy An, trên nhiều cánh đồng ngày nay còn lại khá nhiều dấu vết nương rẫy của Cồ. Nghĩa quân đã khai phá và cây cấy trên ba cánh đồng lớn ở Vân Mộng (xã Vân Sơn), như cánh đồng Sơn, cánh đồng Gốc Đa, cánh đồng Quả Đào. Lãnh Khoái - một tướng giỏi của Cồ - chịu trách nhiệm chỉ huy việc sản xuất, nuôi quân. Ông đã cho nghĩa quân và nhân dân Yên Khoái đào một con mương lớn tưới cho gần 100 mẫu ruộng, ngày nay nhân dân địa phương vẫn gọi là mương Lãnh Khoái^[3].

Công việc cấy cấy chủ yếu do nghĩa quân làm. Đôi khi Cồ cũng nhờ nhân dân các vùng xung quanh đến cấy hoặc gặt hái giúp trong những ngày mùa. Những người đến làm đều được Cồ đãi từ tể, cho ăn no trong những ngày làm việc và khi về biếu mỗi người một đấu gạo.

Về sản xuất vũ khí, Cồ cho người về Hà Nội hoặc đi các nơi tìm những người thợ giỏi. Núi Thánh (xã Tân Lĩnh), khu rừng Bối U (xã Cẩm Lĩnh) là cơ sở sản xuất vũ khí chủ yếu của nghĩa quân. Phần lớn vũ khí được sản xuất là giáo mác, súng kíp. Đặc biệt nghĩa quân còn sản xuất được địa lôi, vỏ bằng gang, trong nhồi thuốc nổ và những mảnh sành, mảnh gang.

Cồ cũng đặc biệt chú ý tổ chức cho nghĩa quân luyện tập võ nghệ, đấu kiếm, đấu vật, bắn súng, cưỡi ngựa. Có khi nghĩa quân lấy đồi Đùm (thôn Vân Mộng, xã Vân Sơn), trên có một đường vòng lớn để quần ngựa. Khu Năm Voi, nơi có năm quả núi giao nhau, giữa là một bãi rộng (thuộc xã Tân Lĩnh), ngày nay nhân dân vẫn còn nhắc đến, là bãi tập của nghĩa quân thời đó.

Sau một thời gian dài xây dựng căn cứ, tập hợp lực lượng, Cồ đã tổ chức nhiều trận phục kích quân Pháp. Trong những năm đầu binh, Cồ đã liên tiếp chiến thắng nhiều trận lớn. Tiếng tăm của Cồ ngày càng lừng lẫy. Khoảng cuối năm 1884, tức là sau hơn một năm khởi binh, Cồ đã tự xưng *Quân* để có thêm uy tín lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Đồng thời Quận Cồ ra bài hịch đánh Tây, nội dung như sau:

Tinh thành thất thủ, lệnh rút lui thật đã đáng cay,

Quân thứ triệt phòng, chiếu ban xuống càng thêm chua chát.

Như tấm ăn lá, gớm mưu quân Phú Lãng Sa^[4]

Là giỏi trong xương, mặt kiếp thẳng Lương Văn Đạt^[5].

Nên nổi:

Tinh thể gian nguy,

Cơ đồ tan nát.

Cũng vì triều đình nhu nhược, tham sinh nên đã đầu hàng,

Để cho quân giặc tung hoành, thừa thế ra tay tàn sát.

Như chúng ta:

Ở nước phải lo giữ nước, không nên giương mắt ngồi nhìn,

Có thân thì quyết hiến thân, đầu nỡ co vùi chịu nhát.

Có người, có ta,

Còn nước, còn tát.

Đọc chiếu Bình Ngô,
 Noi gương Sát Thát.
 Góp gió làm bão, đầu gao đồng tiền,
 Chùm cây nên rừng, gậy tày giáo vạt.
 Chí đã quyết sống còn với địch, chớ lo châu chấu đá voi,
 Việc phải tin thành bại ở người, há sợ đã tròng xe cát.
 Nhớ những trận Cổ - đằng, Vân - mộng^[6] chị ngã em nâng,
 Ôn những lời Tông Lệnh, Đông Viên^[7], con khen, mẹ hát.
 Giữ dân làm gốc, chớ mong đục nước béo cò,
 Nuôi sức đợi thời, đừng có tham miếng bỏ bát.
 Những kẻ hại nòi, hại nước, xác xé, thầy vằm,
 Cùng ai đồng chí, đồng cừu, vai kẻ cánh sát.
 Vết xe cũ lia đàn nên bị diệt, Đốc Khoát, Đề Công^[8],
 Tắm gương soi hợp lực để thành công, Rừng Thông, Cầu Giát^[9].
 Mấy lời thiết tha,
 Tô lòng khao khát.

*

* *

Từ năm 1884 trở đi, danh tiếng của Quận Cồ lừng lẫy khắp tỉnh Sơn Tây. Nhân dân truyền tụng về ông nhiều chuyện lạ: bước đi nhẹ như gió, có thể nhảy qua nhà, ông có ngọc rết, đạn bắn không chết, chỉ có đạn vàng mới bắn chết ông... Những câu chuyện có tính chất thần thoại đó chứng tỏ ảnh hưởng của Quận Cồ với nhân dân khá lớn. Nhân dân các huyện ở Sơn Tây và các vùng Thanh Sơn, Thanh Thủy, Vĩnh Tường, Hưng Hóa (tỉnh Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay) đều biết tiếng ông:

Quân ông đã tiến về đây

Quận Cồ mức tiếng đông tây khắp vùng.

Đối với thực dân Pháp, ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa làm cho chúng hết sức lo sợ. Nhiều lần chúng tổ chức những cuộc hành binh lớn nhằm tiêu diệt lực lượng nghĩa quân, nhưng đều thất bại. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển, phạm vi hoạt động ngày càng mở rộng. Địa bàn chính là các huyện xung quanh thị xã Sơn Tây như Phúc Thọ, Tùng Thiện, Bất Bạt, Quảng Oai cũ. Nhưng cũng có khi ông còn mở rộng phạm vi hoạt động sang vùng Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc), Thanh Sơn, Thanh Thủy (Phú Thọ), vùng núi Chè (huyện Ba Vì) giáp giới Hòa Bình, vùng Cần Kiệm, Đồng Trúc (huyện Thạch Thất). Từ năm 1886, nghĩa quân hoạt động mạnh trên đường 11a, tổ chức quấy rối thành Sơn Tây, hoặc chống trả quyết liệt những trận tấn công của quân Pháp vào khu căn cứ. Dưới đây là một vài trận chiến thắng oanh liệt của Quận Cồ:

Trận Đình Giang

Sau lần vượt ngục Sơn Tây, Quận Cồ đưa nghĩa quân vượt sông Hồng, sang đóng một thôn thuộc xã Đội Cấn, huyện Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc). Tại đây, ông cho nghĩa quân chèo hát linh đình. Bọn lý trưởng trong làng cấp tốc đi báo. Bọn Pháp vội điều động lính lê dương ở Sơn Tây cùng với lính Pháp ở Vĩnh Yên, do một tên quan ba chỉ huy, tổ chức bao vây định tiêu diệt nghĩa quân. Được tin đó, một mặt Quận

Cò cho quân bố trí chung quanh Đình Giang, một mặt cho tiếp tục chèo hát linh đình. Giặc Pháp không hay biết gì, xông thẳng vào đánh. Lập tức một số nghĩa quân núp sau những cột đình lớn bắn ra, một số khác bố trí ở ngoài đánh úp vào, quân Pháp chết 16 tên, trong đó có một tên sĩ quan.

Trận Cầu Giát

Trong buổi đầu của cuộc khởi nghĩa, với mục đích cướp súng giặc giết giặc. Quận Cò đã bố trí một trận phục kích ở Cầu Giát. Cầu Giát nằm trên con đường từ Sơn Tây đi Yên Bái, cách thị xã Sơn Tây 11km, chung quanh là rừng rậm. Quận Cò đã cho quân phục hai bên Cầu Giát. Một toán nghĩa quân khác cho về quấy rối thành Sơn Tây để như địch. Quân Pháp ra đánh, nghĩa quân giả thua. Một trung đội Pháp do một tên quan ba chỉ huy đuổi theo. Lúc chúng vừa đến Cầu Giát, nghĩa quân hai bên xông ra đánh. Quân Pháp bị đánh bất thần vô cùng hoảng sợ, một số tên chết tại trận, số còn lại cố sống chết mở đường máu chạy về thị xã Sơn Tây.

Trận Vật Yên

Sau chiến thắng Cầu Giát, Quận Cò rút toàn bộ nghĩa quân về đóng ở khu rừng Múc (thôn Vật Yên, xã Vật Lại, huyện Ba Vì ngày nay). Xưa kia, rừng Múc rậm rạp, có nhiều cây cò, lối đi lại khó khăn. Rừng Múc kéo dài trên một cây số, xen giữa là thung lũng và các cánh đồng nước như Đồng Giang, Đồng Đuron. Muốn đi vào rừng Múc, chỉ có một con đường từ Vật Lại qua Vật Yên, hai bên đường là rừng và những bãi lầy lớn. Địa hình khu rừng Múc cũng rất tiện lợi cho việc rút quân một khi bị tấn công. Nghĩa quân có thể rút sang vùng rừng núi Vu Quy, Ngọc Nhị, Cẩm Lĩnh, Sơn Đà, Ba Trại... Quận Cò đóng quân ở đây đến sáu bảy tháng mà bọn Pháp không biết. Quận Cò cho xây dựng nhiều lán trại trên bãi bằng giữa khu rừng Múc. Hàng ngày nghĩa quân xuống giếng Nẹ gần đấy để lấy nước ăn (giếng này ngày nay nhân dân Vật Yên vẫn gọi là giếng Quận Cò).

Khi chúng biết, giặc Pháp điều một đội quân ở Sơn Tây theo đường 11a, băng qua đồng làng Vật Lại, vì sợ nghĩa quân phục kích ở hai bên bìa rừng cuối làng, xông thẳng vào Vật Yên. Đoán trước ý định của địch, Quận Cò đã cho nghĩa quân bố trí hai bên đồi sát dốc đình Vật Yên. Khi quân Pháp vừa đến chân dốc đình Vật Yên, nghĩa quân ở hai bên đồi cao bắn xuống như mưa, quân Pháp không thể nào lọt được vào thôn. Chúng đành quay trở lại làng Vật Lại rồi rút về Sơn Tây.

Trận Bằng Y

Dự đoán quân Pháp thế nào cũng tiếp tục tấn công vào Vật Yên, Quận Cò cho rút toàn bộ nghĩa quân sang đóng ở khu rừng Bối U (xã Cẩm Lĩnh). Nơi đây ngày nay còn lại khá nhiều dấu tích của Quận Cò: một cái hào rộng thông ra đường Sơn Tây đi Bất Bạt, giữa khu rừng Bối U còn lại dấu vết một nền dinh mà nhân dân cho là nơi Quận Cò họp các tướng để bàn định kế hoạch đánh địch.

Quân Pháp tổ chức một cuộc hành binh lớn dọc theo đường từ Sơn Tây đi Bất Bạt nhằm tấn công vào khu rừng Bối U. Quận Cò cùng Chu Đình (người làng Xuân Vân, huyện Phúc Thọ) một tướng tài của ông, đã bố trí một trận phục kích bằng địa lôi trên dốc Bằng Y (xã Sơn Đà, huyện Ba Vì)^[10]. Khi quân Pháp lên đến xã Cẩm Lĩnh thì Quận Cò rút khỏi căn cứ Bối U, chạy qua vùng Sơn Đà. Quân Pháp đuổi theo đến dốc Bằng Y thì trúng địa lôi. Nghĩa quân bố trí ở lại đầu dốc, dùng mã tấu xông ra chém. Một số lớn quân Pháp chết, chỉ còn một số chạy thoát được.

Trận Tây Đằng

Năm 1888, Quận Cò đưa một bộ phận nghĩa quân về đóng ở làng Tây Đằng (huyện Ba Vì). Tây Đằng lúc đó là một làng cổ, xung quanh có những lũy tre kiên cố, bên trong có ao sâu. Đường vào làng có bốn cổng chính: cổng Bắc, cổng Đông, cổng Nam, cổng Đoài. Quận Cò cho nghĩa quân đóng giữ bốn cổng làng, còn ông cùng với Đốc Chấn, Đốc Hán và một số nghĩa quân khác đóng tại xóm Đoài^[11]. Chánh tổng Tây Đằng (Chánh Bèo) bí mật đi báo Pháp. Ngày 23-12-1888, Pháp điều quân từ Sơn Tây và đồn Nhân Lý lên. Đến phủ lý Quảng Oai, chúng chia làm hai cánh do hai tên trung úy chỉ huy đánh vào cổng Bắc và cổng Đông. Nghĩa quân lợi dụng các lũy tre kiên cố, từ trong bắn ra. Nhưng quân Pháp có trọng pháo, phá vỡ được hai cổng này và vào được làng. Trong làng có nhiều lối ngõ và các tường đất giữa nhà này nhà khác, nghĩa quân lúc ẩn, lúc hiện, xuyên qua các ngõ, các nhà, chiến đấu quyết liệt. Trong trận này hai tên trung úy đồn trưởng là: Ma-nhanh (Magnin) và Đu-xê (Doucet) đều chết tại trận. Nghĩa quân còn giết chết bốn tên lính ngụy và làm bảy tên khác bị thương.

Từ khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ cho đến năm 1888, trong sự đùm bọc, che chở của nhân dân, Quận Cồ đã hoạt động trên một vùng rộng lớn và liên tiếp chiến thắng nhiều trận. Sự hoạt động mạnh mẽ của nghĩa quân làm cho thực dân Pháp hoang mang lo sợ. Sau một thời gian dùng lực lượng quân sự không có kết quả, thực dân Pháp quay ra dùng mẹo. Chúng cho tên Nguyễn Quốc Bình, người làng Tiền Huân, xã Viên Sơn (thị xã Sơn Tây ngày nay), trước đây đã đi lính khổ xanh cho Pháp, giả ra hàng và xin gia nhập nghĩa quân. Để làm cho Quận Cồ tin, tên công sứ Pháp Bô-nan (Bonnal) cho bắt cả gia đình Bình giam ở nhà lao Sơn Tây.

Ngày 23 tháng 6 năm 1889, Quận Cồ chỉ huy nghĩa quân đánh làng Vật Lại, có Bình đi theo. Khi vào một ngõ hẻm ở xóm Sáu, thừa lúc Quận Cồ vô ý, Bình bắn chết ông rồi chặt đầu đem về nộp cho Pháp ở phủ Quảng Oai^[12].

Quận Cồ chết, nghĩa quân tan rã dần. Một số tướng còn lại như Lãnh Cang, Lãnh Khoái, Tiền Dinh, Đốc Chấn, Đốc Hán cùng một số nghĩa quân tiếp tục chiến đấu một thời gian nữa, nhưng dần dần lâm vào thế cô, rồi buộc phải ra đầu thú hoặc bỏ trốn về quê. Đến cuối năm 1889, cuộc khởi nghĩa của Quận Cồ coi như chấm dứt hoàn toàn.

Theo *Danh nhân quê hương, Ty văn hóa thông tin Hà Tây, 1973*

[1] Theo nhiều cụ già ở Linh Chiểu kể lại thì Cồ chết vào khoảng 40 – 41 tuổi. Theo *Sơn Tây địa chí* của Phạm Xuân Độ, cũng như *Lịch sử đội lính khổ xanh Đông Dương* của Daufès thì Cồ chết ở làng Vật Lại ngày 23-6-1889. Căn cứ vào đó, chúng tôi ước tính năm sinh của Cồ vào khoảng 1849 – 1850.

[2] Nhân dân địa phương căn cứ vào đặc điểm của Cồ mà đặt cho ông cái tên đó. Một giả thuyết khác thì cho tên Cồ có từ sau khi ông lấy vợ.

[3] Theo lời kể của các cụ già ở xã Cẩm Lĩnh, Thụy An.

[4] Quân Pháp, phiên âm chữ France.

[5] Lương Văn Đạt, tên việt gian làm nội ứng cho Pháp chiếm thành Sơn Tây.
6, 7 Những tên làng thuộc huyện Ba Vì ngày nay, nơi xảy ra những trận chiến thắng lớn của nghĩa quân.

8 Đốc Khoát, Đề Công là hai thủ lĩnh nghĩa quân.

9 Rừng Thông, Cầu Giát (còn gọi là Cầu Dù) thuộc huyện Ba Vì ngày nay.

[10] Theo lời kể của cụ Bo, 92 tuổi, xóm Rùa, xã Kim Sơn.

[11] Theo lời kể của Nguyễn Đình Hoàn, xóm Nam, thị trấn Tây Đằng.

[12] Theo Daufès trong “Đội lính khổ xanh Đông Dương”, tập I thì sau đó... thực dân Pháp đã thưởng cho Bình chức phó lãnh binh và 500 đồng, rồi công sứ Pháp Bô-nan lại cho thêm 3,000 đồng nữa vì Bình bị thương trong lúc đánh nhau với nghĩa quân.